

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Ông Nguyễn Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị H; sinh năm: 1976

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn T; sinh năm: 1972

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H; vắng mặt anh T lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2018 và tại bản tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2018 cũng như tại phiên tòa, chị Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2004 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xích mích lẫn nhau, chính vì thế gia đình không được hạnh phúc. Thời gian kéo dài khiến cho chị cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không thể níu kéo được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Phan K, sinh ngày 25/7/2005 và Ngô Phan Kh, sinh ngày 24/12/2012. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Bản thân anh T là người không có công việc, không chịu đi làm nên không có thu nhập, trong khi chị có cửa hàng gội đầu, cắt tóc thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con mà không cần anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2018 anh Ngô Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Phan Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2004. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận bình thường, trong cuộc sống đôi lúc vợ chồng cũng có trục trặc, xích mích nhỏ nhặt nhưng chị H là người nóng tính, bồng bột nên đã làm đơn ly hôn ra Tòa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh không muốn ly hôn chị H mà yêu cầu được đoàn tụ

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Phan K, sinh ngày 25/7/2005 và Ngô Phan Kh, sinh ngày 24/12/2012. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về phần con cái.

- Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã không tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T. Giao hai cháu Ngô Phan K, sinh ngày 25/7/2005 và cháu Ngô Phan Kh, sinh ngày 24/12/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự,

nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Ngô Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2004 tại UBND xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, từ đó gia đình không được hạnh phúc. Việc này đã được các cấp chính quyền thị trấn Kim Tân xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh T đều không đến tham gia các phiên hòa giải cũng như không đến để tham gia phiên tòa, chứng tỏ anh T không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân chị H cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T.

[3] Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Phan K, sinh ngày 25/7/2005 và Ngô Phan Kh, sinh ngày 24/12/2012. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T không đồng ý ly hôn chị H nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái. Xét thấy, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Kh đang còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, bản thân anh T là người không có công việc, không có thu nhập, còn chị H có thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng nên có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Xét nguyện vọng của cháu K và chị H là chính đáng, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao hai cháu Ngô Phan K và Ngô Phan Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[3] Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T.

Về con cái: Giao hai con chung là Ngô Phan K, sinh ngày 25/7/2005 và Ngô Phan Kh, sinh ngày 24/12/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003492 ngày 05/12/2018. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Kim;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

